|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**  Luật số: /2017/QH14 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO**

**Trình UBTVQH**

**LUẬT**

**QUY HOẠCH**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật quy hoạch.*

CHƯƠNG I

**QUY ĐỊNH CHUNG**

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh, giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch trừ quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quy hoạch.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh, giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch trừ quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quy hoạch* là việc sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững do Nhà nước đặt ra cho thời kỳ xác định.
2. *Quy hoạch tổng thể quốc gia* là quy hoạch ở cấp quốc gia mang tính chiến lược về phân vùng và liên kết vùng; hệ thống đô thị và nông thôn, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.
3. *Quy hoạch không gian biển quốc gia* là quy hoạch ở cấp quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân vùng chức năng và sắp xếp, phân bố hợp lý không gian các ngành trong vùng biển, hải đảo và vùng đất ven biển trên cơ sở tích hợp quy hoạch sử dụng biển của cả nước và quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

*4. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia* là quy hoạch ở cấp quốc gia cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân bố và khoanh vùng đất đai cho các ngành trên cơ sở tiềm năng đất đai.

*5. Quy hoạch ngành quốc gia* là quy hoạch ở cấp quốc gia cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia theo ngành và liên kết giữa các ngành, các vùng.

*6. Vùng* là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia bao gồm một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc một số lưu vực sông liền kề có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử, văn hóa, dân cư, kết cấu hạ tầng và có mối quan hệ tương tác tạo nên sự liên kết bền vững với nhau.

*7. Quy hoạch vùng* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia ở cấp vùng về hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, xây dựng vùng liên tỉnh, kết cấu hạ tầng, đất đai, nguồn nước các lưu vực sông, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối các ngành, các tỉnh.

*8. Quy hoạch tỉnh* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia ở cấp tỉnh về hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đất đai, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

1. *Tích hợp quy hoạch* là việc kết hợp nội dung các quy hoạch để hình thành nội dung của một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quy định tại Điều 12 của Luật này, nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và liên kết của quy hoạch.

*10. Hoạt động quy hoạch* bao gồm việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch và giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra về quy hoạch.

*11. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch* là cơ quan, tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền.

*12. Sơ đồ, bản đồ quy hoạch* là bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch.

Điều 4. **Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch**

1. Hoạt động quy hoạch phải tuân theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh, môi trường.

3. Đảm bảo sự tuân thủ, tính liên tục, tính kế thừa, tính ổn định trong hệ thống quy hoạch ở Việt Nam.

4. Đảm bảo sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong hoạt động quy hoạch và đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong hoạt động quy hoạch.

5. Đảm bảo tính khoa học, dự báo, khả thi, tiết kiệm, khách quan, công khai, minh bạch, tính nhân dân trong hoạt động quy hoạch.

6. Đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực trong hoạt động quy hoạch.

7. Đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động quy hoạch.

Điều 5. **Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch**

Việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phải theo trình tự sau đây:

1. Tổ chức lập quy hoạch;

2. Tổ chức thẩm định quy hoạch;

3. Phê duyệt quy hoạch;

4. Công bố quy hoạch;

5. Thực hiện quy hoạch;

6. Điều chỉnh quy hoạch.

Điều 6. Thời kỳ quy hoạch

1. Thời kỳ quy hoạch là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế, xã hội cho việc lập quy hoạch.

2. Thời kỳ quy hoạch là 10 năm, tầm nhìn là 20 năm. Các quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng có tầm nhìn từ 30 năm đến 50 năm.

**Điều 7. Chi phí cho hoạt động quy hoạch**

1. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Chi phí giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**Điều 8. Chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch**

1. Nhà nước điều hành phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực để thúc đẩy phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch.

4. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động quy hoạch.

5. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch.

6. Nhà nước có chính sách đầu tư xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia, bảo đảm kinh phí vận hành, duy trì hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia.

Điều 9. **Nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản pháp luật về quy hoạch.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện hoạt động quy hoạch; ban hành cơ chế, chính sách quản lý phát triển theo quy hoạch.

3. Xây dựng, cập nhật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia.

4. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện hoạt động quy hoạch.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch.

6. Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động quy hoạch.

7. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch.

8. Giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch.

9. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động quy hoạch.

Điều 10. **Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc tham gia ý kiến và giám sát hoạt động quy hoạch**

1. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có quyền tham gia ý kiến và giám sát hoạt động quy hoạch.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được đề nghị tham gia ý kiến có trách nhiệm về nội dung và thời hạn tham gia ý kiến.

3. Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phải tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân tham gia ý kiến và giám sát hoạt động quy hoạch.

4. Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về hoạt động quy hoạch phải được nghiên cứu, tiếp thu và công khai theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Các hành vi bị cấm trong hoạt động quy hoạch**

1. Quyết định lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, không nằm trong hệ thống quy hoạch và vi phạm nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch được quy định trong Luật này trừ các quy hoạch quy định tại khoản 3 Điều 22, khoản 3 Điều 23, khoản 6 Điều 25, khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 27.

2. Đưa, nhận, môi giới hối lộ, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động quy hoạch.

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động quy hoạch.

4. Tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và cá nhân tham gia lập quy hoạch không đủ điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận hoặc trái với quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Cản trở việc tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch.

6. Không công bố hoặc cố ý công bố sai về quy hoạch, từ chối cung cấp thông tin về quy hoạch, trừ trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước, cố ý cung cấp sai thông tin về quy hoạch.

7. Thực hiện trái quy hoạch đã được phê duyệt.

8. Cản trở, gây khó khăn cho việc thực hiện hoạt động quy hoạch.

CHƯƠNG II

**LẬP QUY HOẠCH**

**Mục 1**

**HỆ THỐNG QUY HOẠCH**

### Điều 12. Hệ thống quy hoạch

Hệ thống quy hoạch trong Luật này gồm các cấp theo thứ bậc như sau:

1. Quy hoạch cấp quốc gia:

a) Quy hoạch tổng thể quốc gia;

b) Quy hoạch không gian biển quốc gia;

c) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

d) Quy hoạch ngành quốc gia.

2. Quy hoạch vùng.

3. Quy hoạch tỉnh.

4. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

5. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.

**Điều 13. Mối quan hệ giữa các loại quy hoạch**

### 1. Quy hoạch được lập theo thứ bậc từ trên xuống dưới như sau: quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh; quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

2. Quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước.

3. Quy hoạch ngành quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Quy hoạch vùng phải phù hợp quy hoạch cấp quốc gia.

5. Quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng.

6. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng.

7. Trường hợp trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia phát hiện mâu thuẫn thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia.

8. Trường hợp trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phát hiện mâu thuẫn với quy hoạch ngành quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia.

9. Trường hợp trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh cùng cấp phát hiện mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch cấp trên; trường hợp quy hoạch tỉnh mâu thuẫn với quy hoạch vùng thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch cấp quốc gia.

**Mục 2**

**TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH**

### Điều 14. Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch

1. Chính phủ chỉ đạo tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

2. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tổ chức lập quy hoạch vùng.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức lập quy hoạch tỉnh.

**Điều 15. Quy trình phối hợp lập quy hoạch**

1. Quy trình lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo các bước sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trình Chính phủ phê duyệt;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội đất nước; đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu vĩ mô, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;

c) Các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và gửi cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch;

d) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng;

đ) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi lấy ý kiến về quy hoạch theo quy định tại Điều 19 của Luật này;

e) Các Bộ, cơ quan ngang bộ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch;

g) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

h) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội phê duyệt.

2. Quy trình lập quy hoạch ngành quốc gia thực hiện theo các bước sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng các nội dung quy hoạch và gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương liên quan; gửi lấy ý kiến về quy hoạch theo quy định tại Điều 19 của Luật này;

c) Các Bộ, cơ quan ngang bộ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch;

d) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

đ) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

3. Quy trình lập quy hoạch vùng thực hiện theo các bước sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng; đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu vĩ mô, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;

c) Các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và gửi cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch;

d) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên vùng, liên tỉnh nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan xây dựng;

đ) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi lấy ý kiến về quy hoạch theo quy định tại Điều 19 của Luật này.

e) Các Bộ, cơ quan ngang bộ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch;

g) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

h) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch vùng theo kết luận của Hội đồng thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Quy trình lập quy hoạch tỉnh thực hiện theo các bước sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu vĩ mô, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;

c) Các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng các nội dung quy hoạch đã được phân công và gửi cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh;

d) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; gửi lấy ý kiến về quy hoạch theo quy định tại Điều 19 của Luật này; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các Sở, ngành lập;

đ) Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh;

e) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến về quy hoạch tỉnh và quyết định chủ trương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hoàn thiện quy hoạch tỉnh trên cơ sở ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Đối với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thì cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản phê duyệt quy hoạch trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### Điều 16. Nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm nội dung chủ yếu sau:

a) Căn cứ lập quy hoạch;

b) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch;

c) Chi phí lập quy hoạch;

d) Thời hạn lập quy hoạch;

đ) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

2. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch:

a) Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh.

Điều 17. **Tư vấn lập quy hoạch**

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch phải lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của Chính phủ.

Điều 18. **Đánh giá môi trường chiến lược trong lập quy hoạch**

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải được lập đồng thời với quá trình lập quy hoạch.

3. Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được thực hiện trước khi thẩm định quy hoạch.

**Điều 19. Lấy ý kiến về quy hoạch**

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có liên quan về quy hoạch. Đối với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thì cơ quan tổ chức lập quy hoạch còn phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh liền kề.

2. Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện bằng các hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

3. Việc lấy ý kiến cộng đồng về quy hoạch được thực hiện bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, phát phiếu điều tra phỏng vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo. Đại diện cộng đồng được lấy ý kiến có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng theo quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn, pháp luật về tiếp cận thông tin, pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Các ý kiến đóng góp phải được nghiên cứu, tiếp thu và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

5. Chính phủ quy định việc lấy ý kiến đối với từng loại quy hoạch.

**Mục 3**

**NỘI DUNG QUY HOẠCH**

**Điều 20. Căn cứ lập quy hoạch**

1. Chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường trong cùng giai đoạn phát triển.

2. Quy hoạch thời kỳ trước để kế thừa những nội dung còn phù hợp.

3. Quy hoạch cấp trên.

**Điều 21. Yêu cầu về nội dung và nguyên tắc lập quy hoạch**

1. Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ quốc gia, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bố, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

2. Việc phân bố phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải đảm bảo thống nhất giữa kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phân bố đất đai và bảo vệ môi trường, các hệ sinh thái.

3. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

4. Đảm bảo sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường trong quá trình lập quy hoạch.

5. Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế, xã hội và môi trường đối với sinh kế của cộng đồng, đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em; quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, chậm phát triển và sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, chậm phát triển.

6. Bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương.

7. Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch.

8. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

9. Nội dung của từng loại quy hoạch phải thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện trên hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

**Điều 22. Quy hoạch tổng thể quốc gia**

1. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia xác định việc phân bố và tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng mang tính chiến lược trên toàn bộ không gian lãnh thổ quốc gia.

2. Báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển quốc gia, các chủ trương, định hướng phát triển lớn, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và các nguồn lực phát triển; xu thế phát triển của khoa học, công nghệ; xác định các sản phẩm quốc gia; khu an ninh, quân sự cấp quốc gia; các khu vực bảo tồn; các khu vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng và khu vực khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật liên quan;

b) Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển;

c) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển;

d) Định hướng phát triển không gian kinh tế, văn hóa, xã hội;

đ) Định hướng phát triển không gian biển;

e) Định hướng sử dụng đất quốc gia;

g) Phân vùng và liên kết vùng;

h) Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia;

i) Định hướng phát triển ngành hạ tầng xã hội cấp quốc gia;

k) Định hướng phát triển ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia;

l) Định hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu;

m) Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện;

n) Giải pháp thực hiện quy hoạch;

o) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

3. Chính phủ hướng dẫn chi tiết báo cáo quy hoạch tổng thể quốc gia. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện quy hoạch chi tiết để thực hiện dự án quan trọng quốc gia quy định tại điểm m khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 23. Quy hoạch không gian biển quốc gia**

1. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia xác định việc phân vùng chức năng và sắp xếp, phân bố không gian cho các ngành, các vùng trong vùng đất ven biển, biển và hải đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.

2. Báo cáo quy hoạch không gian biển quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng không gian của các hoạt động trong vùng đất ven biển, biển và hải đảo của Việt Nam;

b) Xác định các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng đất ven biển, biển và hải đảo;

c) Dự báo xu thế biến động của tài nguyên và môi trường, các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với tài nguyên và môi trường; nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường trong vùng đất ven biển, biển và hải đảo trong thời kỳ quy hoạch;

d) Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển; đánh giá các cơ hội và thách thức cho các hoạt động sử dụng không gian biển;

đ) Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển;

e) Định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, biển và hải đảo;

g) Phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, biển và hải đảo;

h) Giải pháp thực hiện quy hoạch;

i) Danh mục dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện;

k) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

3. Chính phủ hướng dẫn chi tiết báo cáo quy hoạch không gian biển quốc gia. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện quy hoạch chi tiết để thực hiện dự án quan trọng quốc gia quy định tại điểm i khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 24. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia**

1. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia xác định việc phân bố không gian sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực mang tính liên vùng, liên tỉnh.

2. Báo cáo quy hoạch sử dụng đất quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực;

b) Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất;

c) Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ mới;

d) Định hướng phân bố không gian và chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp;

đ) Định hướng phân bố không gian và chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp;

e) Xác định không gian đất chưa sử dụng;

g) Giải pháp thực hiện quy hoạch;

h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

3. Chính phủ hướng dẫn chi tiết báo cáo quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

**Điều 25. Quy hoạch ngành quốc gia**

1. Nội dung quy hoạch ngành quốc gia xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các ngành mang tính liên vùng, liên tỉnh.

2. Danh mục các ngành quốc gia lập quy hoạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 được quy định tại Phụ lục 1 của Luật này. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát danh mục các ngành quốc gia lập quy hoạch tại Phụ lục 1 của Luật này và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Báo cáo quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;

b) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;

c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức phát triển của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;

d) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;

đ) Phương án phát triển ngành kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ;

e) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển ngành kết cấu hạ tầng quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia;

g) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện;

h) Giải pháp thực hiện quy hoạch;

i) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

4. Báo cáo quy hoạch sử dụng tài nguyên bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên;

b) Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên;

c) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên gắn với phương án bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; các quy hoạch có liên quan;

d) Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong thời kỳ quy hoạch;

đ) Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Xác định khu vực cấm khai thác, sử dụng; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng; khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng;

g) Giải pháp thực hiện quy hoạch;

h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

5. Báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Đánh giá hiện trạng môi trường đất, nước, không khí, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại;

b) Quan điểm mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường;

c) Xác định vùng chức năng sinh thái, các khu vực bảo tồn, các khu vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; khu xử lý và khu chôn lấp chất thải; hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường;

d) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

đ) Định hướng khu xử lý và khu chôn lấp chất thải;

e) Hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường;

g) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;

h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

6. Chính phủ hướng dẫn chi tiết báo cáo quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng quốc gia và ngành sử dụng tài nguyên, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết, quy hoạch cụ thể để thực hiện các nội dung quy định tại điểm g khoản 3 và điểm e khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 26. Quy hoạch vùng**

1. Nội dung quy hoạch vùng xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường có tính liên tỉnh, liên vùng.

2. Báo cáo quy hoạch vùng bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện, nguồn lực đặc thù của vùng;

b) Quan điểm, mục tiêu phát triển vùng;

c) Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng;

d) Phương án phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng; xác định các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu bảo tồn; các khu vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích có tính liên tỉnh; xác định các vùng sản xuất tập trung liên tỉnh; xác định hệ thống đô thị cấp vùng và các lưu vực sông;

đ) Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh;

e) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng;

g) Định hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng;

h) Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện;

i) Giải pháp thực hiện quy hoạch;

j) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc các vùng lập quy hoạch và báo cáo quy hoạch vùng. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch chi tiết để thực hiện các nội dung quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều này và các dự án quy định tại điểm h khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật có liên quan.

**Điều 27. Quy hoạch tỉnh**

1. Nội dung quy hoạch tỉnh thể hiện các dự án cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia; các dự án cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định ở quy hoạch vùng; định hướng phát triển các dự án cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

2. Báo cáo quy hoạch tỉnh bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; đánh giá thực trạng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn;

b) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển;

c) Phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;

d) Lựa chọn phương án tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh: cụ thể hóa định hướng tổ chức lãnh thổ hệ thống đô thị bao gồm hệ thống đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã thuộc tỉnh; các thị trấn; định hướng phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghệ cao và khu công nghiệp đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển các cụm công nghiệp; định hướng tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; định hướng phân bố hệ thống điểm dân cư; xác định khu vực quốc phòng, an ninh; định hướng phát triển những khu vực có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn, những khu vực có vai trò động lực;

đ) Định hướng phát triển mạng lưới giao thông bao gồm mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt, các tuyến đường thủy quốc gia, các cảng biển, sân bay quốc tế, quốc gia, mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định mạng lưới đường tỉnh;

e) Định hướng phát triển mạng lưới cấp điện bao gồm các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối;

g) Định hướng phát triển mạng lưới viễn thông bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh và các công trình viễn thông;

h) Định hướng phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước bao gồm mạng lưới thủy lợi, mạng lưới cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện;

i) Định hướng phát triển các khu xử lý chất thải bao gồm các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định các khu xử lý chất thải liên huyện;

k) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội bao gồm các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; xác định các dự án kết cấu hạ tầng xã hội của tỉnh bao gồm thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch; trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác;

l) Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo mục đích sử dụng đất, loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

m) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

n) Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;

o) Giải pháp thực hiện quy hoạch;

p) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

3. Chính phủ hướng dẫn chi tiết báo cáo quy hoạch tỉnh. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết để thực hiện các nội dung quy định tại các điểm d, l và n khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai hoặc pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III

**THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH**

**Mục 1**

**THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH**

### Điều 28. Thẩm quyền thẩm định quy hoạch

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch tỉnh.

**Điều 29. Hội đồng thẩm định**

1. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng do Thủ tướng Chính phủ thành lập bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các Bộ, cơ quan ngang bộ và tổ chức, cá nhân khác. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất an ninh cấp quốc gia. Các Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền lập trừ việc thẩm định quy hoạch sử dụng đất quốc phòng cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất an ninh cấp quốc gia.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập bao gồm đại diện các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan.

3. Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổ chức trưng cầu ý kiến các tổ chức, hội nghề nghiệp, các chuyên gia thẩm định, phản biện độc lập trước khi trình Hội đồng thẩm định.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### Điều 30. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch trình Hội đồng thẩm định hồ sơ trình thẩm định quy hoạch gồm các tài liệu chủ yếu sau:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định quy hoạch;

b) Dự thảo văn bản phê duyệt quy hoạch;

c) Báo cáo quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về báo cáo quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các Bộ, địa phương liên quan; báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định chỉ tổ chức thẩm định khi nhận đủ hồ sơ trình thẩm định quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu cơ quan tổ chức lập quy hoạch cung cấp thêm thông tin, giải trình về hồ sơ trình thẩm định quy hoạch.

### Điều 31. Nội dung thẩm định quy hoạch

1. Việc tuân thủ trình tự, các căn cứ, nguyên tắc lập quy hoạch và phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Sự phù hợp của quy hoạch với các yêu cầu về nội dung của báo cáo quy hoạch quy định tại mục 3, Chương II của Luật này.

**Điều 32. Báo cáo thẩm định quy hoạch**

1. Báo cáo thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 31 của Luật này và ý kiến về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện để Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt.

2. Báo cáo thẩm định quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 31 của Luật này và ý kiến về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Trường hợp Hội đồng thẩm định kết luận quy hoạch chưa đủ điều kiện trình phê duyệt thì trả lại hồ sơ cho cơ quan tổ chức lập quy hoạch tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định quy hoạch.

4. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định quy hoạch và đồng thời gửi báo cáo giải trình tiếp thu kèm theo đến Hội đồng thẩm định.

**Mục 2**

**PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH**

### Điều 33. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

### 1. Quốc hội phê duyệt quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

### 2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

**Điều 34. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch**

### Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch gồm các tài liệu chủ yếu sau:

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

2. Dự thảo văn bản phê duyệt quy hoạch;

3. Báo cáo quy hoạch;

4. Báo cáo thẩm định; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về nội dung quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các Bộ, địa phương liên quan; báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

5. Báo cáo thẩm định, phản biện của các tổ chức, hội nghề nghiệp, chuyên gia độc lập;

6. Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.

**Điều 35. Thủ tục thẩm tra quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia**

1. Thủ tục thẩm tra quy hoạch:

a) Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội;

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra có quyền yêu cầu Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung quy hoạch;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan chủ trì thẩm tra yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.

2. Nội dung thẩm tra bao gồm:

a) Sự phù hợp của nội dung quy hoạch với chủ trương, đường lối của Đảng; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Tính khả thi của quy hoạch;

c) Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thực hiện quy hoạch.

**Điều 36. Hình thức, nội dung phê duyệt quy hoạch**

1. Hình thức văn bản phê duyệt quy hoạch theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Nội dung phê duyệt quy hoạch bao gồm các nội dung chính quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26 và 27 của Luật này.

CHƯƠNG IV

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

### Điều 37. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch

1. Cơ quan phê duyệt quy hoạch quyết định việc điều chỉnh quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình. Trường hợp quy hoạch cấp dưới cần điều chỉnh nhưng quy hoạch cấp trên chưa điều chỉnh thì cơ quan phê duyệt quy hoạch cấp dưới phải xin ý kiến của cơ quan phê duyệt quy hoạch cấp trên.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch là một phần của quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Luật này.

### Điều 38. Rà soát quy hoạch

1. Quy hoạch được rà soát theo định kỳ 5 năm để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm rà soát quy hoạch đã được phê duyệt trong quá trình thực hiện quy hoạch.

3. Kết quả rà soát quy hoạch phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

### 4. Căn cứ kết quả rà soát quy hoạch, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Luật này.

### Điều 39. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch

Việc điều chỉnh quy hoạch chỉ được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau:

1. Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch;

2. Có sự điều chỉnh của quy hoạch cấp cao hơn hoặc có sự mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;

3. Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, quy mô của không gian lãnh thổ được lập quy hoạch;

4. Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch;

5. Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch;

6. Do sự phát triển của khoa học, công nghệ tác động đến việc thực hiện quy hoạch;

7. Do các yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh;

8. Những vấn đề mới tác động đến việc thực hiện quy hoạch.

### Điều 40. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch

1. Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

b) Quốc hội quyết định việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm tra; Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tại Chương II và Chương III của Luật này.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung điều chỉnh.

CHƯƠNGV

**QUẢN LÝ THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

# Mục 1

# NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ

# CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH

**Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội**

1. Ban hành luật, nghị quyết về quy hoạch.

2. Phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

3. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Giám sát trong hoạt động quy hoạch.

### Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động quy hoạch.

2. Trình Quốc hội ban hành luật về quy hoạch.

3. Ban hành văn bản pháp luật về quy hoạch; ban hành kế hoạch, chính sách và chuẩn bị nguồn lực cho phát triển theo quy hoạch đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia; ban hành quy định chi tiết điều kiện về năng lực chuyên môn của tổ chức tư vấn lập quy hoạch.

4. Tổ chức lập và thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

5. Trình Quốc hội chủ trương điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

6. Trình Quốc hội phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

7. Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch.

### Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ

1. Chỉ đạo việc tổ chức lập và thực hiện quy hoạch vùng; quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

2. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

3. Ban hành kế hoạch, chính sách và chuẩn bị nguồn lực cho phát triển theo quy hoạch đối với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

3. Quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng.

### Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang bộ

### 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo thẩm quyền văn bản pháp luật về quy hoạch và tổ chức thực hiện; kế hoạch, chính sách và chuẩn bị nguồn lực cho phát triển theo quy hoạch đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng;

c) Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh;

d) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành định mức về quy hoạch; phối hợp với Bộ Tài chính ban hành đơn giá về quy hoạch;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch;

g) Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia; quản lý và cung cấp thông tin về quy hoạch trong phạm vi cả nước;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về quy hoạch;

i) Đánh giá, thanh tra, kiểm tra; xây dựng và ban hành tiêu chí đánh giá quy hoạch;

k) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch theo thẩm quyền.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch theo phân công của Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp xây dựng các nội dung quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý theo phân công của Thủ tướng Chính phủ trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng;

c) Tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền;

d) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch theo thẩm quyền;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách và chuẩn bị nguồn lực cho phát triển theo quy hoạch theo thẩm quyền;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung quy hoạch theo thẩm quyền;

g) Tổ chức thực hiện quy hoạch ngành quốc gia và các nội dung quy hoạch trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng;

h) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia; quản lý và cung cấp thông tin về quy hoạch; xây dựng tiêu chí đánh giá quy hoạch theo thẩm quyền;

i) Phối hợp với Bộ Tài chính ban hành định mức, đơn giá về quy hoạch;

k) Tham gia ý kiến đối với quy hoạch tỉnh;

l) Đánh giá, thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.

4. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ ban hành kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch;

b) Trình Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách và chuẩn bị nguồn lực cho phát triển theo quy hoạch đối với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

c) Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

5. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành đơn giá về quy hoạch;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách huy động nguồn lực tài chính từ đất để thực hiện quy hoạch.

**Điều 45. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến và quyết định chủ trương cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật này.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát hoạt động quy hoạch ở địa phương theo pháp luật về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân.

### Điều 46. Nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch theo thẩm quyền.

2.Tổ chức lập quy hoạch tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua chủ trương Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật này.

3. Phối hợp lập các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng liên quan.

4. Ban hành kế hoạch, chính sách và chuẩn bị nguồn lực phát triển đối với quy hoạch tỉnh.

5. Tham gia ý kiến đối với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi được lấy ý kiến.

6. Đánh giá, kiểm tra, thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động quy hoạch theo thẩm quyền.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch.

### Điều 47. Nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Chủ trì tổ chức giám sát và phản biện xã hội hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### 2. Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng về quy hoạch quy định tại Điều 19 của Luật này và theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

**Mục2**

**THÔNG TIN QUY HOẠCH**

### Điều 48. Công bố quy hoạch

1. Toàn bộ nội dung của các quy hoạch đã được phê duyệt phải được công bố công khai trừ những nội dung liên quan đến bí mật quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Quy hoạch đã được phê duyệt được công bố công khai theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công bố công khai theo quy định tại Điều 49 của Luật này.

**Điều 49. Hình thức công bố quy hoạch**

1. Quy hoạch phải được công bố thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

2. Ngoài việc công bố quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan tổ chức lập quy hoạch có thể lựa chọn công bố quy hoạch theo các hình thức sau đây:

a) Công bố trên phương tiện thông tin đại chúng;

b)Trưng bày mô hình, hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch;

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo;

d) Phát hành ấn phẩm.

### Điều 50. Trách nhiệm công bố quy hoạch

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm công bố quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm công bố quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm công bố quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm công bố quy hoạch tỉnh.

**Điều 51. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia**

1. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia được xây dựng và vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho các hoạt động quy hoạch theo quy định của Chính phủ.

2. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia gồm các thành phần cơ bản sau đây:

a) Cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia bao gồm các dữ liệu về tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, quốc phòng, an ninh gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên;

b) Hệ thống thông tin về các hoạt động quy hoạch;

c) Hệ thống máy tính, phần mềm và các thiết bị phụ trợ phục vụ truy cập, tìm kiếm, xử lý và kết xuất dữ liệu;

d) Hạ tầng mạng thông tin phục vụ kết nối trực tuyến tới các cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia.

3. Trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia;

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp cơ sở dữ liệu địa lý đã được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về thông tin địa lý và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia.

c) Các Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi mình quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch ở địa phương; cung cấp dữ liệu có liên quan để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia.

4. Khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu về thông tin, dữ liệu quy hoạch thì được khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

**Điều 52. Cung cấp thông tin quy hoạch cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Thông tin về quy hoạch đã được phê duyệt phải được cung cấp kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Các Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnhcó trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh.

**Điều 53. Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch**

1. Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử theo quy định tại Điều 51 của Luật này.

3. Cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch.

Điều 54. **Lưu trữ hồ sơ quy hoạch**

1. Hồ sơ quy hoạch bao gồm báo cáo quy hoạch; tờ trình thẩm định quy hoạch; tờ trình phê duyệt quy hoạch; báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về nội dung quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; báo cáo thẩm định; hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch; văn bản phê duyệt quy hoạch và các tài liệu khác.

2. Hồ sơ quy hoạch đã được phê duyệt phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**Mục 3**

**GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH**

**Điều 55.** **Giám sát trong hoạt động quy hoạch**

Giám sát được thực hiện thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch.

**Điều 56. Nội dung giám sát trong hoạt động quy hoạch**

1. Việc tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước được bố trí cho hoạt động quy hoạch.

3. Việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch.

4. Việc thực hiện quy hoạch.

**Điều 57. Giám sát của cộng đồng**

1. Trình tự, thủ tục giám sát của cộng đồng về việc thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở.

2. Nội dung giám sát của cộng đồng về việc thực hiện quy hoạch theo quy định của Chính phủ.

**Điều 58. Đánh giá thực hiện quy hoạch**

1. Đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu so với quy hoạch được phê duyệt theo tiêu chí đánh giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch vùng. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo thẩm quyền.

**Điều 59. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch**

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch được phê duyệt hoặc so với mức đạt được của kỳ trước.

2. Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng tới tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quy hoạch trong kỳ quy hoạch hoặc kỳ quy hoạch tiếp theo hoặc kiến nghị điều chỉnh quy hoạch.

**Mục 4**

**THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

**Điều 60. Kế hoạch, chính sách và chuẩn bị nguồn lực phát triển theo quy hoạch**

Kế hoạch, chính sách, chuẩn bị nguồn lực phát triển để thực hiện theo quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được phê duyệt.

**Điều 61. Kế hoạch thực hiện quy hoạch**

1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch là việc cụ thể hóa quy hoạch được phê duyệt thành kế hoạch trong đó xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Các dự án đầu tư công;

b) Các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đầu tư công;

c) Kế hoạch sử dụng đất phục vụ cho phát triển theo quy hoạch.

**Điều 62. Chính sách thực hiện quy hoạch**

Chính sách thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Chính sách thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt;

2. Chính sách phát triển nguồn nhân lực;

3. Chính sách phát triển khoa học - công nghệ;

4. Chính sách an sinh xã hội;

5. Chính sách bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

6. Chính sách tài chính;

7. Chính sách bảo đảm quốc phòng, an ninh.

**Điều 63. Chuẩn bị nguồn lực phát triển**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền cân đối, bố trí các nguồn vốn cho đầu tư phát triển các dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch theo thẩm quyền.

**Điều 64. Chuẩn bị đất đai thực hiện quy hoạch**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách huy động nguồn lực tài chính từ đất để thực hiện quy hoạch.

**Điều 65. Báo cáo thực hiện quy hoạch**

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo thực hiện quy hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 10 hằng năm để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội tình hình thực hiện quy hoạch theo định kỳ 5 năm.

**Mục 5**

**KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ**

**VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG QUY HOẠCH**

**Điều 66. Kiểm tra, thanh tra quy hoạch**

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tổ chức kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Việc thanh tra hoạt động quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

**Điều 67. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động quy hoạch thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 68. **Điều khoản chuyển tiếp**

1. Việc xử lý các quy hoạch đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực được thực hiện như sau:

a) Đối với quy hoạch thuộc một trong các quy hoạch quy định tại Điều 12 của Luật này thì thực hiện đến hết thời kỳ quy hoạch; trường hợp nội dung của quy hoạch đó không phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh theo quy định của Luật này;

b) Đối với quy hoạch được tích hợp vào các quy hoạch quy định tại Điều 12 của Luật này thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020;

c) Đối với quy hoạch không được tích hợp và không thuộc vào một trong các quy hoạch quy định tại Điều 12 của Luật này thì thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này trừ các quy hoạch quy định tại khoản 3 Điều 22, khoản 3 Điều 23, khoản 6 Điều 25, khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 của Luật này.

2. Quy hoạch quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 12 của Luật này đã được lập, thẩm định mà chưa được phê duyệt thì thực hiện phê duyệt theo quy định của Luật này. Việc phê duyệt quy hoạch quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 12 của Luật này phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Chính phủ rà soát và ban hành danh mục:

a) Các quy hoạch quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Các quy hoạch không được tích hợp và không thuộc một trong các quy hoạch quy định tại Điều 12 của Luật này, quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;

c) Các quy hoạch không được tích hợp và không thuộc một trong các quy hoạch quy định tại Điều 12 của Luật này, không thuộc quy hoạch quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

4. Đối với các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 69.** Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quy hoạch trong các Luật thuộc danh mục quy định tại Phụ lục 2 của Luật này bảo đảm phù hợp với Luật quy hoạch và có hiệu lực chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

3. Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật này./.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI Nguyễn Thị Kim Ngân** |

**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC CÁC NGÀNH QUỐC GIA LẬP QUY HOẠCH**

| **TT** | **TÊN QUY HOẠCH** | **CƠ QUAN**  **TỔ CHỨC LẬP** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **KẾT CẤU HẠ TẦNG** | |
|  | Quy hoạch mạng lưới đường bộ cấp quốc gia | Bộ Giao thông vận tải |
|  | Quy hoạch mạng lưới đường sắt cấp quốc gia | Bộ Giao thông vận tải |
|  | Quy hoạch hệ thống cảng biển cấp quốc gia | Bộ Giao thông vận tải |
|  | Quy hoạch hệ thống cảng hàng không cấp quốc gia | Bộ Giao thông vận tải |
|  | Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cấp quốc gia | Bộ Giao thông vận tải |
|  | Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn cấp quốc gia | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
|  | Quy hoạch năng lượng cấp quốc gia | Bộ Công Thương |
|  | Quy hoạch điện lực cấp quốc gia | Bộ Công Thương |
|  | Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia | Bộ Công Thương |
|  | Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cấp quốc gia | Bộ Thông tin và Truyền thông |
|  | Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, xuất bản cấp quốc gia | Bộ Thông tin và Truyền thông |
|  | Quy hoạch hệ thống đê điều, công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp quốc gia | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|  | Quy hoạch hệ thống du lịch cấp quốc gia | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|  | Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cấp quốc gia | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|  | Quy hoạch mạng lưới cơ sở tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp quốc gia | Bộ Khoa học và Công nghệ |
|  | Quy hoạch mạng lưới trường đại học cấp quốc gia | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
|  | Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
|  | Quy hoạch mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội cấp quốc gia | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
|  | Quy hoạch mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, phục hồi sức khỏe người có công cấp quốc gia | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
|  | Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp quốc gia | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|  | Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế cấp quốc gia | Bộ Y tế |
|  | Quy hoạch hệ thống kho dự trữ cấp quốc gia | Bộ Tài chính |
|  | Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự cấp quốc gia | Bộ Quốc phòng |
|  | Quy hoạch hệ thống kho đạn dược cấp quốc gia | Bộ Quốc phòng |
|  | Quy hoạch hệ thống phòng cháy chữa cháy cấp quốc gia | Bộ Công an |
|  | Quy hoạch hệ thống đô thị cấp quốc gia | Bộ Xây dựng |
| **II** | **SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** | |
|  | Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
|  | Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cấp quốc gia | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
|  | Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
|  | Quy hoạch tài nguyên nước cấp quốc gia | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
|  | Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ cấp quốc gia | Bộ Công Thương |
|  | Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản cấp quốc gia | Bộ Công Thương |
|  | Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng cấp quốc gia | Bộ Xây dựng |
|  | Quy hoạch bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng cấp quốc gia | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|  | Quy hoạch quản lý, phát triển và sử dụng hải sản cấp quốc gia | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|  | Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng cấp quốc gia | Bộ Quốc phòng |
|  | Quy hoạch sử dụng đất an ninh cấp quốc gia | Bộ Công an |

**PHỤ LỤC 2**

**DANH MỤC CÁC LUẬT CẦN SỬA ĐỔI**

| **TT** | **TÊN LUẬT, PHÁP LỆNH** |
| --- | --- |
|  | Bộ luật hàng hải Việt Nam |
|  | Luật giao thông đường thủy nội địa |
|  | Luật giao thông đường bộ |
|  | Luật công nghệ thông tin |
|  | Luật hóa chất |
|  | Luật năng lượng nguyên tử |
|  | Luật đa dạng sinh học |
|  | Luật phòng chống tác hại thuốc lá |
|  | Luật người cao tuổi |
|  | Luật khám chữa bệnh |
|  | Luật viễn thông |
|  | Luật tần số vô tuyến điện |
|  | Luật bưu chính |
|  | Luật an toàn thực phẩm |
|  | Luật bảo vệ môi trường |
|  | Luật đất đai |
|  | Luật khoáng sản |
|  | Luật tài nguyên nước |
|  | Luật khí tượng thuỷ văn |
|  | Luật đo lường |
|  | Luật dự trữ quốc gia |
|  | Luật điện lực |
|  | Luật khoa học và công nghệ |
|  | Luật giáo dục đại học |
|  | Luật giáo dục quốc phòng và an ninh |
|  | Luật giáo dục nghề nghiệp |
|  | Luật xây dựng |
|  | Luật quy hoạch đô thị |
|  | Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật |
|  | Luật công chứng |
|  | Luật đê điều |
|  | Luật thú y |